PHỤ LỤC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1
ACCREDITATION SCHEDULE, FIRST EXPANSION

(Kèm theo quyết định số: 2122 */QĐ-VPCNCLQG ngày 04 tháng 8 năm 2026*
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/*Organisation*

Tiếng Việt*/ in Vietnamese:* CÔNG TY TNHH GIÁM ĐỊNH VINACONTROL THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tiếng Anh*/ in English:* *VINACONTROL HO CHI MINH CITY INSPECTION COMPANY LIMITED*

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ *Accreditation Number:* **VICAS 047 - PRO**

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/*Location Covered by Accreditation*

Trụ sở chính/*Head office:* 80 Bà Huyện Thanh Quan, phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

80 Ba Huyen Thanh Quan, Nhieu Loc Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: (+84) 28 39316323 Email: vinahochiminh@vinacontrol.com.vn

Website: https://hcm.vinacontrol.com.vn

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/*Accreditation Standards*

ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/*Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.*

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/*Accreditation period*

Từ/ *from* *04* / *8* /2026 đến/ *to* 03/3/2027

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1
ACCREDITATION SCHEDULE, FIRST EXPANSION

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Scope of Accreditation*

Chứng nhận sản phẩm cho các phạm vi sau/*Product certification for the following scopes:*

Thực phẩm, thuốc lá, thức ăn chăn nuôi/ Food, tobacco and animal feed

STT *No.*	Tên sản phẩm *Name of product*	Chuẩn mực chứng nhận *Certification criteria*	Thủ tục chứng nhận *Certification procedure*	Phương thức chứng nhận *Type of certification scheme*
1.	Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản *Ingredients in aquaculture feed*	QCVN 01-190:2020/BNNPTNT và sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT	KT-QTĐG19-CT	5,7
2.	Sản phẩm thức ăn thủy sản *Aquaculture feeds*	QCVN 93:2025/BNNMT QCVN 94:2025/BNNMT QCVN 100:2025/BNNMT	KT-QTĐG19-CT	5,7

Sản phẩm dầu mỏ và than cốc; Hóa chất, sản phẩm hóa và sợi; Sản phẩm cao su và nhựa/Coke and refined petroleum products; Chemicals, chemical products and fibres; Rubber and plastic products

STT *No.*	Tên sản phẩm *Name of product*	Chuẩn mực chứng nhận *Certification criteria*	Thủ tục chứng nhận *Certification procedure*	Phương thức chứng nhận *Type of certification scheme*
1.	Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản *Aquaculture environmental treatment products*	QCVN 97:2025/BNNMT QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT	KT-QTĐG19-CT	5,7

Ghi chú/*Note:* Công ty TNHH Giám định Vinacontrol Thành phố Hồ Chí Minh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *Vinacontrol Ho Chi Minh City Inspection Company Limited must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*